



Trung bình

## DAKAR EW S3

DAKAREWS3

**DAKAR th# h# th# 2 v#i đ# ngoài đ##c c#i ti#n, v#a v#n và tho#i mái. Mũi giày b#ng thép c#c r#ng.**

The DAKAR EW S3 is a durable, comfortable safety shoe with an extra wide steel toe cap, perfect for logistics and construction. It features oil & fuel resistance, heel energy absorption, and a puncture-resistant midsole. It's S3 certified, slip resistant, and water resistant.

Những vật liệu cao cấp hơn	Dệt may, Da ngựa điên
lớp lót bên trong	Lưới thép
giường đỡ chân	đế xốp SJ
để giữa	Thép
để ngoài	BASF PU/BASF PU
Đứng đầu	Thép
Loại	S3 / SR, SC, LG, CI, FO
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
trọng lượng thép	0.703 kg
tiêu chuẩn hóa	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024



BRN



BLK



### Da thoáng khí trên

Da tự nhiên mang lại cảm giác thoải mái khi đeo kết hợp với độ bền trong các ứng dụng linh hoạt.



### h#p th# gót chân

Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân làm giảm tác động của việc nhảy hoặc chạy lên cơ thể người mang.



### Tay n#m b#c thang (LG)

Đường viền được xác định đặc biệt trong khu vực trục của giày an toàn để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.



### Ch#ng d#u & nhiên li#u

Đế ngoài có khả năng chống dầu và nhiên liệu.



### S3

Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường có độ ẩm cao và nơi có dầu hoặc hydrocarbon. Những đôi giày này cũng bảo vệ chống lại nguy cơ thủng đế và nghiền nát bàn chân.



### N#p Scuff (SC)

Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng biệt để giảm hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng khả năng sử dụng của giày an toàn.

**Công nghiệp n:**

Xây dựng, hậu cần

**Môi trường:**

môi trường bùn, môi trường khô, môi trường ẩm ướt

**Các hàng dẫn ba số:**

Để kéo dài tuổi thọ cho đôi giày của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch chúng thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không làm khô giày trên bộ tản nhiệt hoặc gần nguồn nhiệt.

S# miêu tả	Đơn vị đo lường	Kết quả	EN ISO 20345
<b>Nhúng vệt liêu cao</b>	<b>Dệt may, Da ngà diên</b>		
<b>Cấp hần</b>			
Top: khả năng thấm hơi nước	mg/cm/giờ	68	? 0.8
Top: hệ số hơi nước	mg/cm <sup>2</sup>	7.8	? 15
<b>Lớp lót bên trong</b>	<b>Lớp thép</b>		
Lớp lót: thấm hơi nước	mg/cm/giờ	46.42	? 2
Lót: hệ số hơi nước	mg/cm <sup>2</sup>	372	? 20
<b>Giày chống trượt</b>	<b>Chỉ số SJ</b>		
Đệm chân: chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	chu kỳ	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	25600/12800
<b>Chỉ số ngoài</b>	<b>BASF PU/BASF PU</b>		
Chống mài mòn đế ngoài (giảm thể tích)	mm	50	? 150
Chống trượt cơ bản - Ceramic + NaLS - Trượt gót về phía trước	ma sát	0.46	? 0.31
Chống trơn trượt cơ bản - Gốm + NaLS - Trượt lùi về phía trước	ma sát	0.45	? 0.36
Chống trơn trượt SR - Gốm + Glycerin - Trượt gót phía trước	ma sát	0.35	? 0.19
Chống trượt SR - Gốm + Glycerin - Trượt ngược về phía trước	ma sát	0.34	? 0.22
Giá trị chống tĩnh điện	megaohm	50.5	0.1 - 1000
Giá trị ESD	megaohm	N/A	0.1 - 100
Hấp thụ năng lượng của gót chân	J	41	? 20
<b>Chỉ số đầu</b>	<b>Thép</b>		
Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 100J)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 200J)	mm	20.5	? 14
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 15kN)	mm	22.0	? 14

Kích thước thép: 42

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, dữ liệu kỹ thuật trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sử dụng hoặc sao chép dưới bất kỳ định dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.